

Số: *2036* /QĐ-UBND

Thái Nguyên, ngày *28* tháng *8* năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch sử dụng đất
năm 2023 huyện Định Hóa

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Luật số 35/2018/QH14 ngày 20/11/2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch;

Căn cứ Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 01/2021/TT-BTNMT ngày 12 tháng 4 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;

Căn cứ Nghị quyết số 38/NQ-HĐND ngày 20/7/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc thông qua điều chỉnh, bổ sung các dự án thu hồi đất, các dự án có chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên;

Căn cứ Quyết định số 991/QĐ-UBND ngày 09/5/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất huyện Định Hóa thời kỳ 2021-2030;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 498/TTr-STNMT ngày 11 tháng 8 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh, bổ sung kế hoạch sử dụng đất năm 2023 của huyện Định Hóa với các chỉ tiêu chủ yếu như sau:

1. Diện tích các loại đất phân bổ bổ sung trong năm kế hoạch:

Tổng diện tích các loại đất phân bổ bổ sung năm 2023 là 1,92 ha

(Chi tiết tại phụ lục I kèm theo)

2. Kế hoạch thu hồi bổ sung các loại đất:

Tổng diện tích thu hồi đất bổ sung năm 2023 là 1,92 ha

(Chi tiết tại phụ lục II kèm theo)

3. Kế hoạch chuyển mục đích sử dụng đất bổ sung:

Tổng diện tích chuyển mục đích sử dụng đất bổ sung năm 2023 là 1,92 ha

(Chi tiết tại phụ lục III kèm theo)

4. Danh mục các công trình, dự án bổ sung:

Tổng số công trình, dự án đăng ký bổ sung năm 2023 là 06 công trình, dự án với diện tích sử dụng đất là 1,92 ha.

(Chi tiết tại phụ lục IV kèm theo)

5. Điều chỉnh kế hoạch sử dụng đất năm 2022 huyện Định Hóa

- Điều chỉnh tên, diện tích đối với 01 dự án đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 4237/QĐ - UBND ngày 30/12/2021 và Quyết định số 3411/QĐ - UBND ngày 30/12/2022. Các nội dung khác vẫn giữ nguyên theo Quyết định số 4237/QĐ - UBND ngày 30/12/2021 và Quyết định số 3411/QĐ - UBND ngày 30/12/2022 của UBND tỉnh.

(Chi tiết tại phụ lục V kèm theo)

- Lý do điều chỉnh: Hội đồng nhân dân tỉnh đã thông qua điều chỉnh tên, diện tích tại Nghị quyết số 38/NQ-HĐND ngày 20/7/2023.

Điều 2. Căn cứ vào Điều 1 của Quyết định này, Ủy ban nhân dân huyện Định Hóa có trách nhiệm:

1. Công bố công khai kế hoạch sử dụng đất theo đúng quy định của pháp luật về đất đai;

2. Tổ chức thực hiện và chịu trách nhiệm toàn diện về thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất phải phù hợp với quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch của các ngành, lĩnh vực có liên quan, đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật;

3. Đối với các dự án có chuyển mục đích sử dụng từ 10 héc ta đất trồng lúa trở lên, Ủy ban nhân dân huyện Định Hóa hướng dẫn các chủ đầu tư hoàn thiện đầy đủ hồ sơ theo quy định tại khoản 2 Điều 8 Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường, gửi đến Sở Tài nguyên và Môi trường để báo cáo UBND tỉnh, trình Thủ tướng Chính phủ chấp thuận cho phép chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa trước khi thực hiện thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất theo đúng quy định tại điểm c khoản 2 Điều 68 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ;

4. Tổ chức kiểm tra thường xuyên việc thực hiện kế hoạch sử dụng đất.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Định Hóa và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- TT Tỉnh ủy;
- TT HĐND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;
- TT. Thông tin tỉnh;
- Lưu: VT, CNNXD, TH.

Hiepch/tqc/t8

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Quang Tiến



Phụ lục I

Diện tích các loại đất phân bổ bổ sung năm 2023 huyện Định Hóa

(Kèm theo Quyết định số **1036**/QĐ-UBND ngày **18** tháng **8** năm 2023 của UBND tỉnh Thái Nguyên)

Đơn vị tính: ha

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Tổng diện tích	Diện tích phân theo đơn vị hành chính					
			Xã Bình Yên	Xã Lam Vỹ	Xã Trung Lương	Xã Phượng Tiến	Xã Đồng Thịnh	Xã Bình Thành
1	Đất nông nghiệp							
1.1	Đất trồng lúa							
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác							
1.3	Đất trồng cây lâu năm							
1.4	Đất rừng phòng hộ							
1.5	Đất rừng đặc dụng							
1.6	Đất rừng sản xuất							
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản							
1.8	Đất nông nghiệp khác							
2	Đất phi nông nghiệp	1,92	0,30	0,15	0,06	0,50	0,26	0,65
2.1	Đất ở nông thôn							
2.2	Đất ở đô thị							
2.3	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	0,30	0,30					
2.4	Đất an ninh							
2.5	Đất quốc phòng							
2.6	Đất xây dựng công trình sự nghiệp	0,15		0,15				
2.7	Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp							
2.8	Đất có mục đích công cộng	1,47			0,06	0,50	0,26	0,65
2.9	Đất cơ sở tôn giáo							
2.1	Đất cơ sở tín ngưỡng							
2.11	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng							
2.12	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối							
2.13	Đất có mặt nước chuyên dùng							
2.14	Đất phi nông nghiệp khác							
3	Đất chưa sử dụng							

Phụ lục II

Kế hoạch thu hồi đất bổ sung năm 2023 huyện Định Hóa

(Kèm theo Quyết định số **2136** /QĐ-UBND ngày **28** tháng **8** năm 2023 của UBND tỉnh Thái Nguyên)



Đơn vị tính: ha

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Tổng diện tích	Diện tích phân theo đơn vị hành chính					
			Xã Bình Yên	Xã Lam Vỹ	Xã Trung Lương	Xã Phụng Tiến	Xã Đồng Thịnh	Xã Bình Thành
1	Đất nông nghiệp	1,92	0,30	0,15	0,06	0,50	0,26	0,65
1.1	Đất trồng lúa	0,49		0,09				0,40
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	0,33		0,04	0,04			0,25
1.3	Đất trồng cây lâu năm	0,86	0,06	0,02	0,02	0,50	0,26	
1.4	Đất rừng phòng hộ							
1.5	Đất rừng đặc dụng							
1.6	Đất rừng sản xuất	0,24	0,24					
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản							
1.8	Đất nông nghiệp khác							
2	Đất phi nông nghiệp							-
2.1	Đất ở nông thôn							
2.2	Đất ở đô thị							
2.3	Đất xây dựng trụ sở cơ quan							
2.4	Đất an ninh							
2.5	Đất quốc phòng							
2.6	Đất xây dựng công trình sự nghiệp							
2.7	Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp							
2.8	Đất có mục đích công cộng							
2.9	Đất cơ sở tôn giáo							
2.10	Đất cơ sở tín ngưỡng							
2.11	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng							
2.12	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối							
2.13	Đất có mặt nước chuyên dùng							
2.14	Đất phi nông nghiệp khác							
3	Đất chưa sử dụng							

Phụ lục III

Kế hoạch chuyển mục đích sử dụng đất bổ sung năm 2023 huyện Định Hóa
(Kèm theo Quyết định số **2036** /QĐ-UBND ngày **28** tháng **8** năm 2023
của UBND tỉnh Thái Nguyên)

Đơn vị tính: ha

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Tổng diện tích	Diện tích phân theo đơn vị hành chính					
			Xã Bình Yên	Xã Lam Vỹ	Xã Trung Lương	Xã Phượng Tiến	Xã Đông Thịnh	Xã Bình Thành
1	Đất nông nghiệp chuyển sang phi nông nghiệp	1,92	0,30	0,15	0,06	0,50	0,26	0,65
1.1	Đất trồng lúa	0,49		0,09				0,40
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	0,33		0,04	0,04			0,25
1.3	Đất trồng cây lâu năm	0,86	0,06	0,02	0,02	0,50	0,26	
1.4	Đất rừng phòng hộ							
1.5	Đất rừng đặc dụng							
1.6	Đất rừng sản xuất	0,24	0,24					
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản							
1.8	Đất nông nghiệp khác							
2	Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất nông nghiệp							
	<i>Trong đó:</i>							
2.1	Đất trồng lúa chuyển sang đất trồng cây lâu năm							
2.2	Đất trồng lúa chuyển sang đất trồng rừng							
2.3	Đất trồng lúa chuyển sang đất nuôi trồng thủy sản							
2.4	Đất trồng lúa chuyển sang đất làm muối							
2.5	Đất trồng cây hàng năm khác chuyển sang đất nuôi trồng thủy sản							
2.6	Đất trồng cây hàng năm khác chuyển sang đất làm muối							
2.7	Đất rừng phòng hộ chuyển sang đất nông nghiệp không phải là rừng							
2.8	Đất rừng đặc dụng chuyển sang đất nông nghiệp không phải là rừng							
2.9	Đất rừng sản xuất chuyển sang đất nông nghiệp không phải là rừng							



Phụ lục IV

Danh mục 06 công trình, dự án bổ sung kế hoạch sử dụng đất năm 2023 trên địa bàn huyện Định Hóa

(Kèm theo Quyết định số **2086** /QĐ-UBND ngày **28** tháng **8** năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên)

Đơn vị tính: ha

TT	Tên công trình dự án sử dụng đất	Địa điểm (xã, phường, thị trấn, huyện)	Diện tích (ha)	Trong đó sử dụng từ loại đất			
				Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng	Đất khác
	TỔNG CỘNG		1,92	0,49			1,43
1	Mở rộng Trụ sở UBND xã Bình Yên	Xã Bình Yên, huyện Định Hóa	0,30				0,30
2	Cải tạo, nâng cấp sân văn hóa - thể thao xã Lam Vỹ	Xã Lam Vỹ, huyện Định Hóa	0,15	0,09			0,06
3	Sửa chữa nền, mặt đường và cạp mở rộng mặt đường đoạn Km24+800-Km25+300; Km25+450 - Km 25+600 và sửa chữa cầu Đá Con Km24+310 ĐT.264	Xã Trung Lương, huyện Định Hóa	0,06				0,06
4	Sửa chữa, nâng cấp tuyến đường giao thông liên xã Tân Dương - Phượng Tiến - Trung Hội (đoạn xóm Pải)	Xã Phượng Tiến, huyện Định Hóa	0,50				0,50
5	Mở rộng, tôn tạo khu lưu niệm Bác Hồ với ngành Quân giới Việt Nam	Xã Đồng Thịnh, huyện Định Hóa	0,26				0,26
6	Chợ xã Bình Thành	Xã Bình Thành, huyện Định Hóa	0,65	0,40			0,25

Phụ lục V

Điều chỉnh tên, diện tích đối với 01 dự án trên địa bàn huyện Định Hóa

(Kèm theo Quyết định số 2036 /QĐ-UBND ngày 28 tháng 8 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên)

Đơn vị tính: ha

Quyết định số 4237/QĐ-UBND ngày 30/12/2021 và Quyết định số 3411/QĐ-UBND ngày 30/12/2022 của UBND tỉnh Thái Nguyên đã phê duyệt								Nay điều chỉnh lại như sau							
STT	Tên công trình, dự án sử dụng đất	Địa điểm (xã, phường, thị trấn, huyện)	Diện tích (ha)	Sử dụng từ nhóm đất (ha)				STT	Tên công trình, dự án sử dụng đất	Địa điểm (xã, phường, thị trấn, huyện)	Diện tích (ha)	Sử dụng từ nhóm đất (ha)			
				Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng	Đất khác					Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng	Đất khác
1	Trang trại chăn nuôi lợn	Xã Bình Thành, huyện Định Hóa	70,00	9,02			60,98	1	Trang trại chăn nuôi lợn (Khu chăn nuôi Đầm Hề- Ao Giời- Đồng Danh)	Xã Bình Thành, huyện Định Hóa	45,42	1,00			44,42